

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP BẰNG QUAN HỆ TỪ

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hiểu thế nào là một câu ghép thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.
2. Biết điền QHT thích hợp vào chỗ trống, thêm vế câu thích hợp vào chỗ trống, thay đổi vị trí của các vế câu để tạo những câu ghép có quan hệ nguyên nhân – kết quả.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bảng lớp viết 2 câu ghép ở BT1 (phần Nhận xét).

- *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai* (nếu có).
- Bút dạ và một số tờ phiếu khổ to phô tô nội dung BT1,4 (phần Luyện tập).
- Bảng lớp viết 2 câu văn ở BT3 (phần Luyện tập).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

HS làm lại BT3 và đọc đoạn văn ngắn các em viết về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mỗi công dân (BT4) – tiết LTVC trước.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong giờ học hôm nay, các em sẽ học cách nối các vế câu ghép bằng một QHT hoặc một cặp QHT thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.

2. Phân Nhận xét

Bài tập 1

- Một HS đọc yêu cầu của BT1 (hiểu là đọc cả 2 câu văn).
- GV nhắc HS trình tự làm bài :
 - + Đánh dấu phân cách các vế câu trong mỗi câu ghép.
 - + Phát hiện cách nối các vế câu giữa hai câu ghép có gì khác nhau.
 - + Phát hiện cách sắp xếp các vế câu trong hai câu ghép có gì khác nhau.
- HS đọc thầm lại 2 câu văn, suy nghĩ, phát biểu ý kiến. GV mời 1 HS chỉ vào 2 câu văn đã viết trên bảng lớp, nêu nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

Cách nối các vế giữa hai câu ghép trên và cách sắp xếp các vế câu khác nhau như sau :

- | | |
|--|--|
| <p>Câu 1 : <u>Vì</u> con khỉ này rất nghịch / <u>nên</u> các anh bảo vệ thường phải cột dây.</p> | <p>- 2 vế câu được nối với nhau bằng cặp QHT <u>Vì ... nên</u>, thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.
- Vế 1 chỉ nguyên nhân – Vế 2 chỉ kết quả.</p> |
| <p>Câu 2 : Thấy phải kinh ngạc / <u>vì</u> chú học đến đâu hiểu ngay đến đó và có trí nhớ lạ thường.</p> | <p>- 2 vế câu được nối với nhau chỉ bằng một QHT <u>vì</u>, thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.
- Vế 1 chỉ kết quả – Vế 2 chỉ nguyên nhân.</p> |

Bài tập 2

- HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ, làm bài. Các em viết nhanh ra nháp những QHT, cặp QHT tìm được (có thể dựa vào nội dung ghi nhớ) ; có thể minh hoạ bằng những ví dụ cụ thể.

- HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại :

- a) **Bởi chưng** bác mẹ tôi nghèo
Cho nên tôi phải bẫm bèo, thái khoai.
- b) Vì nhà nghèo quá, chú phải bỏ học.
- c) Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được. Vàng cũng quý vì nó rất đắt và hiếm.
- Tôi phải bẫm bèo, thái khoai vì gia đình tôi nghèo.
– Chú phải bỏ học vì nhà nghèo quá.
– Chú phải bỏ học vì gia đình sa sút, không đủ tiền cho chú ăn học.
– Vì người ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được nên lúa gạo rất quý. Vì vàng rất đắt và hiếm nên vàng cũng rất quý.

Bài tập 3

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS tự làm bài (điền QHT từ thích hợp vào chỗ trống trong câu văn ở VBT hoặc viết vào vở).
- GV mời 2 HS điền QHT thích hợp vào 2 câu văn đã viết trên bảng lớp, giải thích vì sao mình chọn từ này mà không chọn từ kia. GV nhận xét, cùng HS phân tích những chỗ sai. VD : Nếu có em nói : **Tại** thời tiết thuận nên lúa tốt, GV giúp HS phân tích để đi đến kết luận : dùng từ **tại** trong trường hợp này đúng về ngữ pháp (thể hiện QH nhân – quả) nhưng sai về nghĩa. **Tại** gắn với nguyên nhân dẫn đến kết quả xấu (sẽ hợp với câu b). Trường hợp trong câu a lại là nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt. Vì vậy, đúng nhất phải dùng QHT **nhờ**, hoặc **do** , **vì**.

GV chốt lại lời giải đúng : a) **Nhờ** thời tiết thuận nên lúa tốt.

b) **Tại** thời tiết không thuận nên lúa xấu.

Bài tập 4

- HS đọc yêu cầu của bài, tự làm bài.
- GV nhắc HS : về câu điền vào chỗ trống không nhất thiết phải kèm theo QHT.
- HS làm bài độc lập. GV phát phiếu cho 3 – 4 HS.
- HS phát biểu ý kiến. Một, hai HS làm bài trên phiếu có kết quả đúng dán bài lên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung phương án trả lời. VD :
- **Vì** bạn Dũng không thuộc bài **nên** bị điểm kém.
 - Vì** bạn Dũng không thuộc bài **cho nên** cả tổ bị mất điểm thi đua.
 - Vì** bạn Dũng không thuộc bài, **cả tổ** bị mất điểm thi đua.
 - **Do** nó chủ quan **nên** bài thi của nó không đạt điểm cao.
 - Do** nó chủ quan **mà** nó bị **nhỡ** chuyến xe.
 - Do** nó chủ quan, **nó** bị **nhỡ** chuyến xe.
 - **Nhờ** cả tổ giúp đỡ tận tình **nên** Bích Vân đã có nhiều tiến bộ trong học tập.
 - Do** kiên trì, **nhẫn nại** **nên** Bích Vân đã có nhiều tiến bộ trong học tập.

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn HS ghi nhớ kiến thức vừa luyện tập.